

TRƯỜNG THCS CHÂU VĂN LIÊM

KHỐI 9- TUẦN 1 (6/9-11/9/2021)

Ngữ văn 9

CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (Những lời khuyên răn trong giao tiếp)

I. PHƯƠNG CHÂM LƯỢNG:

a) Vd: -Cậu học bơi ở đâu vậy?

-Dĩ nhiên là ở dưới nước chứ còn ở đâu.

→ Nói thiếu 1 địa điểm cụ thể.

→ Khi giao tiếp, không được nói thiếu

b) Đọc truyện LỢN CUỐI ÁO MỚI

→ nói thừa: cười, từ lúc tôi mặc cái áo mới này: để khoe của

→ Khi giao tiếp, không được nói thừa

GHI NHỚ 1: (sgk tr.9)

II. PHƯƠNG CHÂM CHẤT:

Đọc truyện QUẢ BÍ KHỔNG LỒ

→ Phê phán tính nói khoác

→ Khi giao tiếp, đừng nói những điều không đúng sự thật

GHI NHỚ 2: (sgk tr.10)

III. PHƯƠNG CHÂM QUAN HỆ:

-Thành ngữ: Ông nói gà, bà nói vịt

→ Mỗi người nói một đằng, không khớp nhau, không hiểu nhau

→ Khi giao tiếp cần nói đúng vào đề tài, tránh lạc đề

GHI NHỚ 3: (sgk tr.21)

IV. PHƯƠNG CHÂM CÁCH THỨC:

1) Thành ngữ:

+ Dây cà ra dây muống: Nói dài dòng rườm rà

+ Lúng búng như ngậm hột thị: Nói ấp úng, không rành mạch, không thành lời

2) Đọc câu sau: Hổ mang bò lên núi.

→ Có 2 cách hiểu:

+ Con hổ mang con bò lên núi

+ Con rắn hổ mang bò lên núi

→ Khi giao tiếp cần nói ngắn gọn rành mạch, tránh cách nói mơ hồ

GHI NHỚ 4: (sgk tr.22)

V. PHƯƠNG CHÂM LỊCH SỰ:

Đọc truyện NGƯỜI ĂN XIN

→ Cả ông lão ăn xin và cậu bé đều đã nhận được từ nhau tình cảm chân thành, tôn trọng nhau

GHI NHỚ 5: (sgk tr.23)

VI. QUAN HỆ GIỮA PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI VỚI TÌNH HUỐNG GIAO TIẾP:

Đọc truyện: CHÀO HỎI

→ Chàng rể có tuân thủ pc lịch sự nhưng không đúng lúc, đúng chỗ

→ Khi giao tiếp cần chú ý đến tình huống giao tiếp: Bạn đang nói với ai, nói khi nào, nói ở đâu, nói để làm gì.

GHI NHỚ 6: (sgk tr.36)

VII. NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG TUÂN THỦ PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI:

1) Các ví dụ của các bài pc lượng, pc chất, pc quan hệ, pc cách thức đều không tuân thủ pc hội thoại

2) Câu trả lời của Ba đã không tuân thủ pc lượng vì để tuân thủ pc chất

3) PC chất đã không được tuân thủ vì lòng nhân đạo. Người bán hàng không tuân thủ pc chất vì mục đích lợi nhuận

4) Tiền bạc chỉ là tiền bạc

→ Xét ở nghĩa đen: Câu nói không tuân thủ pc lượng vì không cung cấp 1 thông tin gì mới

→ Xét ở nghĩa bóng: Câu nói có tuân thủ pc lượng với hàm ý: tiền bạc chỉ là 1 phương tiện sống, không phải là mục đích cuối cùng của cuộc sống. Vì vậy không nên vì tiền bạc mà đánh mất nhiều điều quý giá khác (gia đình, tình bạn, tình yêu, sức khỏe, danh dự, nhân cách...)

GHI NHỚ 7: (sgk tr.37)

DẶN DÒ TỰ HỌC: HS LÀM CÁC BÀI TẬP PHÍA SAU BÀI HỌC

Cho 5 ví dụ về việc vi phạm các phương châm hội thoại

Cho 5 ví dụ về việc tuân thủ các phương châm hội thoại

Viết đoạn đối thoại có vận dụng sự vi phạm các phương châm hội thoại

Ngữ văn 9

PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

I. ĐỌC- HIỂU CHÚ THÍCH:

A. Tác giả-Tác phẩm:

- Lê Anh Trà, Viện trưởng Viện Văn hóa Việt Nam.

- Kiểu loại: Văn bản nhật dụng

- Thể loại: Nghị luận chứng minh

B. Từ khó: Xem SGK trang 7

C. Bố cục: 3 đoạn

> Quá trình hình thành và điều kì lạ của phong cách HCM

> Những vẻ đẹp trong phong cách sống và làm việc của Bác Hồ

> Bình luận và khẳng định ý nghĩa của phong cách văn hóa HCM

II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN:

1) Sự tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại của Chủ tịch HCM:

a. Chủ tịch HCM có sự hiểu biết sâu rộng về nền văn hóa các nước Á, Âu, Phi, Mĩ là nhờ:

- Thông thạo nhiều ngoại ngữ
- Qua công việc lao động mà học hỏi
- Đến đâu cũng học hỏi

b. Người tiếp thu có chọn lọc:

- Tiếp thu cái đẹp, cái hay
- Phê phán những cái tiêu cực

--> Trên nền tảng văn hóa DT mà tiếp thu tinh hoa văn hóa quốc tế để nhào nặn một nhân cách rất Việt Nam.

2) Nét đẹp trong lối sống thanh cao mà giản dị của Chủ tịch HCM:

a. **Giản dị:** Nơi ở, nơi làm việc đơn sơ

- Trang phục giản dị

Ăn uống đạm bạc

b. Thanh cao: Sự giản dị đã làm nên cái đẹp tự nhiên gợi nhớ đến cách sống của các vị hiền triết DT

- Đó không phải là cách tự thân thánh hóa, tự làm cho mình khác đời -> một phong cách rất VN: Giản dị mà thanh cao

3) Những đặc sắc về nghệ thuật:

- Kết hợp kể với bình luận

- Chọn lọc những chi tiết tiêu biểu

- Đan xen thơ NBK, dùng từ Hán-Việt gợi sự gần gũi giữa Bác Hồ với các bậc hiền triết DT

- Dùng hình ảnh đối lập: Bác Hồ là một vĩ nhân mà giản dị, am hiểu văn hóa nhân loại nhưng phong cách rất VN

III. GHI NHỚ: SGK trang 8

VI. DẶN DÒ TỰ HỌC:

- Nắm được nội dung bài đã ghi

- Tìm đọc và kể được những câu chuyện về đức tính giản dị của Bác Hồ.

- Viết đoạn văn nêu cảm nhận về phong cách Hồ Chí Minh

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)
PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC (TUẦN 1)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	LỚP 9 PHẦN MỘT: LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY CHƯƠNG I: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI BÀI 1: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70 CỦA TK XX
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	• HS đọc SGK LS 9 NXBGD 1/ Mục tiêu bài học Hiểu và trình bày được một cách khái quát về: - Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 - 1950) và xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. - Sự ra đời của các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu và thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Đông Âu. - Sự hình thành hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa. - Tinh thần lao động xây dựng đất nước và thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Liên Xô. 2/ Cách học: - Về công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 - 1950), học sinh cần nêu được dẫn chứng về sự thiệt hại của Liên Xô trong Chiến tranh thế giới thứ hai để nêu bật được hoàn cảnh (lí do) Liên Xô bắt tay thực hiện kế hoạch khôi phục kinh tế (1945 - 1950) và ý nghĩa của các thành tựu đạt được. - Tìm hiểu SGK để nêu được những thành tựu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1945 - 1950) bằng các số liệu cụ thể về sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và khoa học - kĩ thuật. - Tìm hiểu nội dung SGK, kết hợp với sưu tầm tài liệu, rút ra các ý chính về công cuộc xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội: + Phương hướng chính của các kế hoạch dài hạn xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng các kế hoạch 5 năm là gì. + Những thành tựu mà nhân dân Liên Xô đạt được trên các lĩnh vực: sản xuất công nghiệp, khoa học - kĩ thuật. Riêng về thành tựu khoa học - kĩ thuật, học sinh quan sát và tìm hiểu Hình 1. Vệ tinh nhân tạo đầu tiên của Liên Xô, bổ sung tư liệu đã tìm hiểu qua sách báo để kể chuyện một số chuyến bay của các nhà du hành vũ trụ Liên Xô trong

	những năm 60 của thế kỉ XX và rút ra nhận xét về thành tựu khoa học - kĩ thuật của Liên Xô. + Về chính sách đối ngoại đúng đắn của Liên Xô, học sinh có thể liên hệ chính sách đối ngoại của Liên Xô với Việt Nam (đặc biệt trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ). 3/ Một số khái niệm, thuật ngữ: - Liên Xô: Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô) thành lập tháng 12-1922, lúc đầu gồm có 4 nước cộng hoà Xô viết là Nga, U-crai-na, Bê-la-rút và Ngoại Cáp-ca-dơ, về sau phát triển thành 15 nước, tan vỡ năm 1991. - Vệ tinh nhân tạo: một loại tổ hợp máy móc được phóng lên khoảng không vũ trụ, có nhiều mục đích khác nhau như truyền thông, thăm dò, dự báo khí tượng... (vệ tinh đầu tiên của nhân loại chỉ đơn giản là một quả cầu nhôm, bốn ăng ten, hai máy vô tuyến điện, khi tách khỏi tên lửa đẩy Sputnik chỉ phát ra tiếng "bíp, bíp"). - Nhà du hành vũ trụ: những người điều khiển con tàu vũ trụ phục vụ những mục đích nghiên cứu khoa học và quân sự. - Bước ra ngoài không gian: đưa con người ra ngoài không gian. Đây là một trong những thành tựu chinh phục vũ trụ của loài người. Nhà du hành vũ trụ Liên Xô là người đầu tiên trên thế giới đã thực hiện "đi bộ" ngoài không gian trong vòng 10 phút (3-1965).
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	<i>TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP TRONG SGK</i> - Câu 1. Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh ở Liên Xô. - Câu 2. Những thành tựu chủ yếu của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX. - Câu 3. Một số chuyến bay của các nhà du hành vũ trụ Liên Xô trong những năm 60 của thế kỉ XX.

1. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Lịch sử	Mục I: Phần II:	1. 2. 3.

BÀI GHI CỦA HS

PHẦN MỘT: LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY CHƯƠNG I: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

BÀI 1: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70 CỦA TK XX

I. Liên Xô:

2. Công cuộc khôi phục kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945- 1950):

- Sau CTTG II, Liên Xô bị chiến tranh tàn phá nặng nề: hơn 27 triệu người chết, 1710 thành phố, hơn 70 000 làng mạc bị phá hủy.
- Thực hiện kế hoạch 5 năm lần IV (1946 – 1950).
- Thành tựu:
 - + Hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1946- 1950) trước thời hạn.
 - + Công nghiệp tăng 73% so với trước chiến tranh,
 - + Một số ngành nông nghiệp vượt mức trước chiến tranh.
- Năm 1949, chế tạo thành công bom nguyên tử.

3. Liên Xô tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật của CNXH (Từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX):

* Đối nội:

- Phương châm chính: Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đẩy mạnh tiến bộ khoa học- kỹ thuật, tăng cường sức mạnh quốc phòng.
- Kết quả:
 - + Sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm tăng 9,6 %, □ đứng hàng thứ hai thế giới (sau Mỹ).
 - + Mở đầu kỷ nguyên chinh phục vũ trụ:
 - Năm 1957, phóng thành công vệ tinh nhân tạo,
 - Năm 1961, phóng tàu “Phương Đông”, bay vòng quanh Trái Đất.
- + Đối ngoại:
 - Chủ trương duy trì hòa bình thế giới, quan hệ hữu nghị với các nước,
 - Ủng hộ công cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc.

II. Đông Âu (Tiết 2 – Tuần 2)

PHIẾU HỌC TẬP TIẾT 1-BÀI 1-LỊCH SỬ 9

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Trong những năm 1946 - 1950, Liên Xô thực hiện chủ trương khôi phục kinh tế vì:

- A. phải chịu những tổn thất nặng nề do chiến tranh gây ra.
- B. muốn xây dựng nền kinh tế mạnh, đủ sức cạnh tranh với Mỹ.
- C. muốn đưa Liên Xô trở thành cường quốc kinh tế đứng đầu thế giới.
- D. công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã bị gián đoạn từ năm 1941.

2. Sự kiện đánh dấu bước phát triển vượt bậc của nền khoa học - kỹ thuật Liên Xô vào năm 1949 là:

- A. chế tạo thành công bom nguyên tử.
- B. chế tạo thành công vệ tinh nhân tạo.
- C. Đưa con người lên thám hiểm Mặt Trăng.
- D. đưa con người lần đầu tiên bay vào vũ trụ.

3. Yếu tố quyết định dẫn đến sự thành lập các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu là:

- A. sự giúp đỡ của Hồng quân Liên Xô trên đường truy kích quân đội phát xít Đức.
- B. sự phản đối của nhân dân thế giới, buộc phát xít Đức phải rút khỏi các nước Đông Âu.
- C. cuộc nổi dậy và khởi nghĩa vũ trang của nhân dân Đông Âu dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản.
- D. sự suy yếu của các thế lực phát xít, buộc phát xít Đức phải trao trả độc lập cho nhân dân các nước Đông Âu.

4. Quan hệ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa từ sau năm 1945 dựa trên cơ sở chính là:

- A. sự đoàn kết tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển.
- B. cùng chung mục tiêu xây dựng một xã hội dân chủ.
- C. muốn củng cố tiềm lực quốc phòng, góp phần duy trì hoà bình và an ninh thế giới.
- D. thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, theo hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lenin, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

5. Việt Nam trở thành thành viên của khối SEV vào năm:

- A. 1950.
- B. 1962.
- C. 1972.
- D. 1978.

6. Mục đích chính sách đối ngoại của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

- A. đưa Liên Xô trở thành nước bá chủ thế giới.
- B. đưa Liên Xô trở thành tiền đồn chống lại các nước tư bản.
- C. đưa Liên Xô trở thành "người anh cả" của các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. đưa Liên Xô trở thành chỗ dựa vững chắc của hoà bình và cách mạng thế giới.

Câu 2. Điền vào cột bên phải những thành tựu chủ yếu về khoa học - kỹ thuật của Liên Xô tương ứng với thời gian ghi trong bảng sau:

Thời gian	Thành tựu
Năm 1949	
Năm 1957	
Năm 196	
Từ năm 1959 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX	

Câu 3. Điền tên các nước tham gia vào khối SEV cho phù hợp với thời gian gia nhập ở cột A:

Thời gian gia nhập	Tên nước
Ngày 8-1-1949	
Năm 1950	
Năm 1962	
Năm 1972	
Năm 1978	

Câu 4. Hãy nêu những cơ sở dẫn tới sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5. Hãy trình bày mục đích ra đời và những thành tựu của Hội đồng tương trợ kinh tế trong những năm 1951 - 1973.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỊA 9
TUẦN 1: Từ (6/9 – 11/9/ 2021)
ĐỊA LÝ DÂN CƯ
Bài 1: CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

I. Các dân tộc ở Việt Nam:

+ Đặc điểm:

- Việt Nam có 54 dân tộc, dân tộc Việt (Kinh) đa số (chiếm 86,2%), các dân tộc ít người (13,8%).

- Mỗi dân tộc có nét văn hoá riêng, thể hiện trong ngôn ngữ, trang phục, phong tục, tập quán,...

Làm cho nền văn hoá Việt Nam thêm phong phú .

+ Trình độ phát triển kinh tế:

- Dân tộc Việt có nhiều kinh nghiệm trong thâm canh lúa nước, có các nghề thủ công đạt mức độ tinh xảo. Là lực lượng đông đảo trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và khoa học – kĩ thuật.

- Các dân tộc ít người có số dân và trình độ phát triển kinh tế khác nhau, mỗi dân tộc có kinh nghiệm riêng trong sản xuất, đời sống góp phần tạo nên sự đa dạng bản sắc văn hóa VN.

- Các dân tộc đều bình đẳng, đoàn kết trong quá trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc .

- Người Việt định cư ở nước ngoài cũng là một bộ phận của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

II. Phân bố các dân tộc:

- Dân tộc Việt: phân bố rộng khắp cả nước, tập trung nhiều ở đồng bằng, trung du và ven biển.(Đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long,...)

- Sống theo đơn vị làng, xóm, thôn ...

- Các dân tộc ít người: phân bố chủ yếu ở miền núi và trung du.

- Sự khác nhau về các dân tộc và phân bố dân tộc giữa:

+ Trung du và miền núi phía Bắc: (30 dân tộc)Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao, Mông...

+ Trường Sơn – Tây Nguyên: (20 dân tộc)Ê đê, Gia rai, Cơ ho...

+ Duyên hải cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ: Chăm, Khơ me, Hoa.

+ Người Hoa cư trú chủ yếu ở đô thị, nhiều nhất thành phố Hồ Chí Minh.

- Hiện nay phân bố dân tộc đã có nhiều thay đổi. Một số dân tộc ít người từ miền núi phía bắc đến cư trú ở Tây Nguyên .

- Đời sống các dân tộc được nâng lên.

CÂU HỎI

1. Nước ta có bao nhiêu dân tộc? Những nét văn hóa riêng của các dân tộc thể hiện ở những mặt nào. Cho ví dụ.

2. Trình bày tình hình phân bố các dân tộc ở nước ta.

ĐỊA 9

Bài 2: DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ

I. Số dân:

- Số dân: 79,7 triệu người (2002), 86,9 triệu người (2010), 90 triệu người (11/2013)
- Việt Nam là nước dân số đông đứng thứ **3** ở Đông Nam Á và thứ **14** trên thế giới.
(nay thứ 13)

II. Gia tăng dân số:

- Dân số tăng nhanh, liên tục ,tỉ lệ tăng tự nhiên 1,43% (2002), hiện nay 1,12% .
- Nguyên nhân:
 - Tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao.
 - Quan niệm lạc hậu trọng nam khinh nữ .
 - Trước đây chính sách dân số KHHGD chưa thực hiện tốt.
 - Hiện nay chất lượng cuộc sống được cải thiện, y tế phát triển tỉ lệ tử giảm nhanh sinh giảm chậm.
- Hậu quả:
 - Gây sức ép đối với kinh tế xã hội,tài nguyên môi trường,chất lượng cuộc sống và giải quyết việc làm.
- Hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta bắt đầu từ cuối những năm 50 chấm dứt vào những năm cuối thế kỉ XX.
- Trong những năm gần đây nhờ thực hiện tốt chính sách dân số (kế hoạch hoá gia đình) nên tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số có xu hướng giảm. Mỗi năm tăng hơn 1 triệu người.
- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của dân số còn có sự khác nhau giữa các vùng.
 - Thành thị, khu công nghiệp tỉ lệ tăng tự nhiên thấp (1.12%), nông thôn và miền núi cao (1.52%)
 - Tỉ lệ tăng tự nhiên thấp nhất Đồng bằng sông Hồng (1.1%), cao nhất Tây Nguyên (2.11%)

III. Cơ cấu dân số:

- Nước ta có cơ cấu dân số trẻ.
- Cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta đang có sự thay đổi: tỉ lệ trẻ em giảm xuống, tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động tăng lên.
- Theo giới tính: nam ít hơn nữ.Tỉ số giới tính đang thay đổi: Tác động của chiến tranh kéo dài làm tỉ số giới tính mất cân đối. Cuộc sống hoà bình đang kéo tỉ số giới tính tiến tới cân bằng hơn.
- Tỉ số giới tính ở một địa phương còn chịu ảnh hưởng mạnh bởi hiện tượng chuyển cư.

CÂU HỎI

1. Cho biết số dân và tình hình gia tăng dân số .
2. Ý nghĩa của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số và sự thay đổi cơ cấu dân số nước ta.

GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

A NỘI DUNG GHI VỎ

CHỦ ĐỀ 1: SỰ TỰ HOÀN THIÊN BẢN THÂN

BÀI 1: CHÍ CÔNG VÔ TƯ

I. Đặt vấn đề: Sgk

II. Nội dung bài học

1. Thế nào là chí công vô tư?

Chí công vô tư là:

- Sự công bằng, không thiên vị
- Giải quyết công việc theo lẽ phải
- Xuất phát từ lợi ích chung và đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân.

2. Vì sao phải chí công vô tư?

Phải chí công vô tư vì:

- Chí công vô tư đem lại lợi ích cho tập thể và cộng đồng xã hội
- Làm cho đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
- Được mọi người tin cậy, kính trọng.

3. Rèn luyện

Để rèn luyện phẩm chất chí công vô tư chúng ta cần:

- Ủng hộ, quý trọng người chí công vô tư.
- Phê phán những biểu hiện thiếu chí công vô tư
- Luôn thể hiện hành vi chí công vô tư trong cuộc sống.

BÀI TẬP VẬN DỤNG

1. Vì sao phải chí công vô tư?

.....

.....

.....

2. Để rèn luyện phẩm chất chí công vô tư, học sinh cần phải làm gì?

.....

.....

.....

3. Có ý kiến cho rằng: “ Người sống chí công vô tư chỉ thiệt cho mình”. Em suy nghĩ như thế nào về ý kiến trên? Rút ra bài học cho bản thân?

.....

.....

.....

.....

.....

LỚP 9: Bài 1: Thường thức mỹ thuật SƠ LƯỢC VỀ MĨ THUẬT THỜI NGUYỄN (1908 - 1945)

I. Khái quát về bối cảnh XH thời Nguyễn

- Chiến tranh Trịnh - Nguyễn kéo dài mấy chục năm, Nguyễn ánh dẹp bạo loạn lên ngôi vua
- + Chọn Huế làm kinh đô, xây dựng nền kinh tế vững chắc
- Thi hành chính sách " Bế quan toả cảng", ít giao thiệp với bên ngoài
- MT phát triển nhưng rất hạn chế, đến cuối triều Nguyễn mới có sự giao lưu với MT thế giới- đặc biệt là MT châu Âu.



II. Một số thành tựu về mỹ thuật

1. Kiến trúc

- a. Hoàng Thành, tử cấm thành, đàn Nam Giao
- b. Cung điện: Điện Thái Hoà, điện Kim Loan
- c. lăng Tẩm: lăng Minh Mạng, Gia Long, Tự Đức
- * Cố Đô Huế được Unesco công nhận là di sản văn hoá thế giới năm 1993.

2. Điêu khắc , đồ họa và Hội họa

a. Điêu khắc

- ĐK Mang tính tượng trưng rất cao.
- Tượng con vật, Nghê, voi, sư tử: mắt mũi, chân móng được diễn tả rất kĩ, chất liệu đá, đồng ...
- Tượng Người : các quan hầu, hoàng hậu, cung phi, công chúa...diễn tả khối làm rõ nét mặt , phong thái ung dung...
- ĐK Phật giáo tiếp tục phát huy truyền thống của khuynh hướng dân gian làng xã.



b. Đồ họa, hội họa

- Các dòng tranh dân gian phát triển mạnh,
- "Bách khoa thư văn hoá vật chất của Việt nam" hơn 700 trang với 4000 bức vẽ miêu tả cảnh sinh hoạt hằng ngày , những côn cụ đồ dùng của Việt Bắc.
- Giai đoạn đầu chưa có thành tựu gì đáng kể.

- Về sau khi trường MT Đông Dương thành lập (1925) MT VN đã có sự tiếp xúc với mỹ thuật châu Âu mở ra một hướng mới cho sự phát triển của mỹ thuật Việt nam.

III. Đặc điểm của mỹ thuật thời Nguyễn:

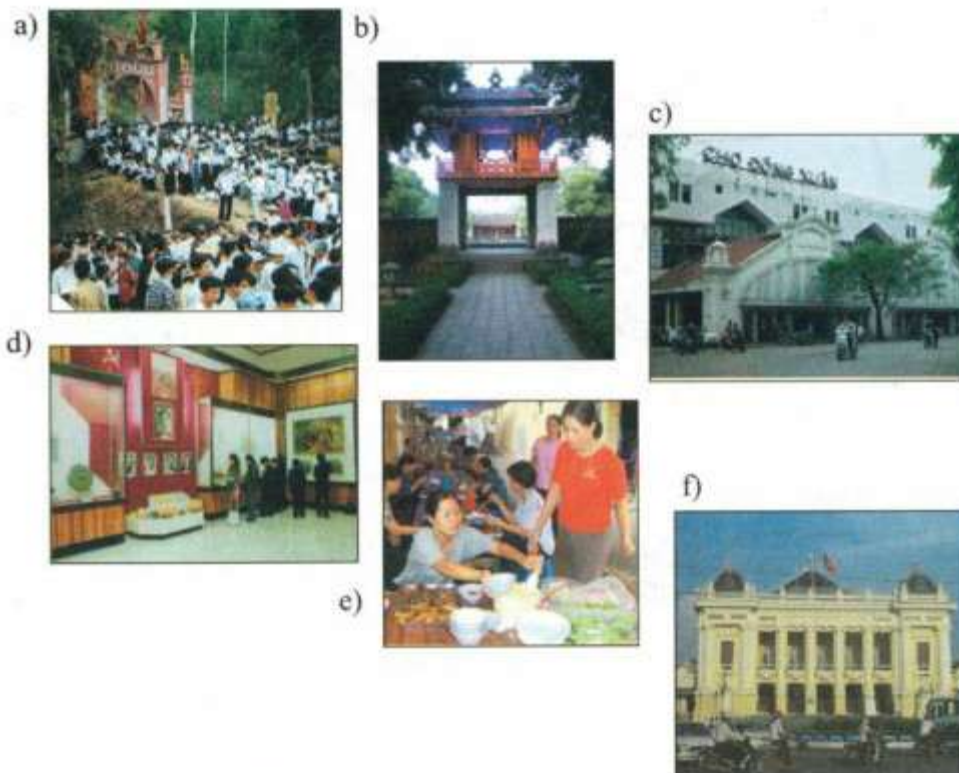
- Kiến trúc hài hoà với thiên nhiên, luôn kết hợp với nghệ thuật trang trí và có kết cấu tổng thể chặt chẽ.

- Điêu khắc và đồ hoạ phát triển đa dạng, kế thừa truyền thống dân tộc và bước đầu tiếp thu nghệ thuật châu Âu.

UNIT 1: A VISIT FROM A PEN PAL [MỘT CHUYẾN THĂM CỦA NGƯỜI BẠN QUEN BIẾT QUA THƯ]

1. GETTING STARTED

Work with a partner. A foreign pen pal is coming to stay with you for a week. What activities would you do during the visit?



2. LISTEN AND READ

VOCABULARY

- foreign /'fɒrən/ (a): thuộc về nước ngoài
 - + foreigner /'fɒrənə(r)/ (n): người nước ngoài
- activity /æk'tɪvəti/ (n): hoạt động
- correspond /ˌkɒrə'spɒnd/ (v): trao đổi thư từ
- at least /ət - li:st/: ít nhất
- modern /'mɒdn/ (a): hiện đại
- ancient /'eɪnʃənt/ (a): cổ xưa
- impress /ɪm'pres/ (v): gây ấn tượng
 - + impression /ɪm'preʃn/ (n): sự gây ấn tượng
 - + impressive /ɪm'presɪv/ (a): gây ấn tượng
- beauty /'bjʊ:ti/ (n): vẻ đẹp
 - + beautiful /'bjʊ:tɪfl/ (a): đẹp
 - + beautify /'bjʊ:tɪfaɪ/ (v): làm đẹp
- friendliness /'frendlɪnəs/ (n): sự thân thiện
- mausoleum /ˌmɔ:sə'li:əm/ (n) lăng mộ
- mosque /mɒsk/ (n) nhà thờ Hồi giáo
- primary school /'praɪməri - sku:l/: trường tiểu học

- secondary school /'sekəndri - sku:l /: trường trung học
- peace /pi:s/(n): hòa bình, sự thanh bình
+ peaceful /'pi:sfl/ (a): thanh bình, yên tĩnh
- atmosphere /'ætməsfiə(r)/ (n): bầu không khí
- pray /prei/(v): cầu nguyện
- abroad /ə'brɔ:d/ (a) (ở, đi) nước ngoài
- depend on /di'pend/ = rely on /ri'lai/ : tùy thuộc vào, dựa vào
- anyway /'eniwei/ (adv): dù sao đi nữa
- keep in touch with: giữ liên lạc
- worship/'wɜ:ʃɪp/ (v): thờ phượng
- similar /'sɪmələ(r)/ (a): tương tự
- industry /'ɪndəstri/ (n) : ngành công nghiệp
+ industrial /ɪn'dʌstriəl/ (a): thuộc về công nghiệp
- temple/'templ/ (n): đền, đình

Lan's Malaysian pen pal, Razali Maryam, was staying with Lan last week. Maryam is from Kuala Lumpur. Maryam and Lan have been pen pals for over two years and they correspond at least once every two weeks, but this was their first meeting.

On Maryam's first day in Ha Noi, Lan took her to Hoan Kiem Lake. Like Kuala Lumpur, Ha Noi is a busy modern city. Maryam was really impressed by the beauty of the city and by the friendliness of its people.

Over the next few days, the girls visited Ho Chi Minh's Mausoleum, the History Museum and the Temple of Literature, as well as many beautiful parks and lakes in Ha Noi. On Friday, Maryam wanted to visit the mosque on Hang Luoc Street. Lan used to walk past the mosque on her way to primary school. However, this was Lan's first visit. She enjoyed the peaceful atmosphere while Maryam was praying.

"I wish you had a longer vacation," Lan said to Maryam at the end of the week.

"Yes, I wish I had more time to get to know your beautiful country better. Lan, would you like to come and visit me next summer?" Maryam asked.

"That would be great! However, it seems very difficult for me to have a trip abroad. It all depends on my parents. Anyway, we'll keep in touch."

Choose the correct option to complete the sentences.

(Chọn câu đúng điền vào các câu.)

1. Lan and Maryam usually write to one another every _____ .

- A. two years.
- B. month.
- C. two weeks.
- D. day.

2. Maryam was impressed because _____.

- A. Ha Noi was big and modem.
- B. Ha Noi people were friendly.
- C. Ha Noi was different from Kuala Lumpur.
- D. Ha Noi and Kuala Lumpur were the same.

3. The girls went to see _____.

- A. famous places in Ha Noi.
- B. areas for recreation.
- C. a place of worship.
- D. all the above.

4. Maryam wanted to _____.

- A. visit Ha Noi the next summer.
- B. invite Lan to Kuala Lumpur.
- C. stay in Ha Noi.
- D. visit Ho Chi Minh City.

3. SPEAK

Nga is talking to Maryam. They are waiting for Lan outside her school. Put their dialogue in the correct order and copy it into your exercise book. Then read it with your partner.

Task 1: Nga is talking to Maryam. They are waiting for Lan outside her school. Put their dialogue in the correct order and copy it into your exercise book. Then practice with your partner. Start like this:



(Nga)

A: Hello. You must be Maryam.

B: That's right, I am.



(Maryam)

- | | |
|---|--|
| 1. Hello. You must be Maryam. | a. The two cities are the same in some ways. |
| 2. Do you live in a city, too? | b. Pleased to meet you, Nga. Are you one of Lan's classmates? |
| 3. No. Is it very different from Ha Noi? | c. That's right, I am. |
| 4. Yes, I am. Are you enjoying your stay in Viet Nam? | d. Oh yes, very much. Vietnamese people are very friendly and Ha Noi is a very interesting city. |
| 5. Pleased to meet you. Let me introduce myself. I'm Nga. | e. Yes. I live in Kuala Lumpur. Have you been there? |
| 6. I see. Oh! Here's Lan. Let's go. | |

4. LISTEN

Tim Jones's Mexican pen pal, Carlo, is visiting the USA. Listen to their conversation and check the numbers of the correct pictures.



SINH HỌC LỚP 9- Bài 1: Menden và di truyền học

PHIẾU HỌC TẬP: Hãy liên hệ với bản thân và xác định xem mình giống và khác bố mẹ ở những điểm nào?

Đặc điểm	Bản thân HS	Bố	Mẹ
Mắt			
Mũi			
Tóc			
Màu mắt			
Màu da			
Chiều cao			

I. Di truyền học

- Di truyền : là hiện tượng truyền đạt các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên cho các thế hệ con cháu.

Biến dị: là hiện tượng con sinh ra khác với bố mẹ và khác nhau về nhiều chi tiết.

Di truyền và biến dị là hai hiện tượng song song, gắn liền với quá trình sinh sản.

1. Đối tượng: là con người và tất cả các sinh vật trong tự nhiên

2. Nội dung:

- Cơ sở vật chất và cơ chế của hiện tượng di truyền và biến dị

- Các quy luật di truyền và biến dị

3. Ý nghĩa:

- Là cơ sở lý thuyết của chọn giống, ứng dụng y học vào công nghệ sinh học hiện đại.

II. Men đen- người đặt nền móng cho di truyền học

1. Grôgo Menden: (1822 – 1884)

2. Nội dung của phương pháp phân tích thế hệ lai:

- Lai các cặp bố mẹ khác nhau về một hoặc một số cặp tính trạng thuần chủng tương phản,

- Theo dõi sự di truyền riêng rẽ của từng cặp tính trạng đó trên con cháu của từng cặp bố mẹ

- Dùng toán thống kê để phân tích các số liệu thu được

- Từ đó rút ra quy luật di truyền các tính trạng

III. Một số thuật ngữ và kí hiệu cơ bản của Di truyền học

1. Một số thuật ngữ :

- Tính trạng : là những đặc điểm về hình thái, cấu tạo, sinh lí của một cơ thể

- Cặp tính trạng tương phản: là hai trạng thái biểu hiện trái ngược nhau của cùng loại tính trạng.

- Nhân tố di truyền: quy định các tính trạng của sinh vật

- Giống (hay dòng) thuần chủng: là giống có đặc tính di truyền đồng nhất, các thế hệ sau giống các thế hệ trước

2. Một số kí hiệu:

- P: cặp bố mẹ xuất phát

- X: kí hiệu phép lai

- G: giao tử (giao tử đực: ♂ giao tử cái ♀)

- F: thế hệ con (F1: là thế hệ con lai của P; F2:là thế hệ con lai của F1.....)

THỂ DỤC- KHỐI 9: THỂ LỰC CHUNG

BÀI 1: CÁC ĐỘNG TÁC BỔ TRỢ KỸ THUẬT CHẠY CỰ LI NGẮN

- Luyện tập chạy bước nhỏ 1 phút 30 giây x 3 lần
- Chạy nâng cao đùi 1 phút 30 giây x 3 lần
- Chạy gót chạm mông 1 phút 30 giây x 3 lần

BÀI 2: CÁC ĐỘNG TÁC BỔ TRỢ KỸ THUẬT CHẠY BỀN

- Nhảy dây 5 phút x 3 lần

CÔNG NGHỆ 9- BÀI 1. GIỚI THIỆU NGHỀ ĐIỆN DÂN DỤNG

I. Vai trò, vị trí của nghề điện dân dụng trong sản xuất và trong đời sống

- Nghề điện dân dụng rất đa dạng: điện năng phục vụ cho đời sống sinh hoạt và lao động sản xuất.
- Người thợ điện có mặt ở hầu hết các cơ quan, xí nghiệp, nhà máy, công trường, ... để làm công tác về điện.
- Nghề điện dân dụng góp phần đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

II. Đặc điểm và yêu cầu của nghề

1. Đối tượng lao động của nghề điện dân dụng

Đối tượng lao động của nghề gồm:

- Thiết bị bảo vệ đóng cắt và lấy điện
- Nguồn điện một chiều và xoay chiều điện áp thấp dưới 380V
- Thiết bị đo lường điện
- Vật liệu và dụng cụ làm việc của nghề điện
- Các loại đồ dùng điện

2. Nội dung lao động của nghề điện dân dụng

- Lắp đặt mạng điện sản xuất và sinh hoạt
- Lắp đặt thiết bị và đồ dùng điện
- Vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa mạng điện, thiết bị và đồ dùng điện

3. Điều kiện làm việc của nghề điện dân dụng

Công việc lắp đặt đường dây cung cấp điện thường được tiến hành trong môi trường: Làm việc ngoài trời, thường phải đi lưu động, làm việc trong nhà, nguy hiểm vì gần khu vực có điện, làm việc trên cao,...

4. Yêu cầu của nghề điện đối với người lao động

- Kiến thức: Hiểu biết những kiến thức cơ bản về kỹ thuật điện và một số quy trình kỹ thuật trong nghề điện.
- Kỹ năng: có kỹ năng đo lường, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt những thiết bị điện và mạng điện.
- Thái độ: yêu thích công việc, có ý thức bảo vệ môi trường và an toàn lao động; làm việc khoa học, kiên trì, thận trọng và chính xác.
- Sức khỏe: có sức khỏe tốt, không mắc các bệnh về tim mạch, huyết áp, thấp khớp...

5. Triển vọng của nghề

- Nghề điện dân dụng luôn cần phát triển để phục vụ sự công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước
- Tương lai nghề điện dân dụng gắn liền với sự phát triển điện năng, đồ dùng điện và tốc độ phát triển xây dựng nhà ở
- Nghề điện dân dụng có nhiều điều kiện phát triển không những ở thành phố mà còn ở nông thôn miền núi
- Do sự phát triển của cách mạng khoa học kỹ thuật → nhiều thiết bị mới có tính năng hiện đại

6. Những nơi đào tạo nghề



Hình 1 - 1. Học sinh thực hành quấn dây động cơ điện.

- Các trường dạy nghề, Trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng và Đại học kỹ thuật
- Các Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp
- Các Trung tâm Dạy nghề cấp huyện và tư nhân

7. Những nơi hoạt động nghề

- Những công việc của nghề điện ở các hộ gia đình, trong các xí nghiệp, cơ quan, nông trại, đơn vị kinh doanh
- Những cơ sở lắp đặt, sửa chữa về điện



MÔN HOÁ HỌC LỚP 9

TUẦN 1: ÔN TẬP ĐẦU NĂM (tiết 1+2)

I. Nội dung

1. Viết được công thức đúng của các hợp chất gồm 2 nguyên tố hoặc gồm nguyên tố và nhóm nguyên tử.
2. Phân loại được 4 loại hợp chất vô cơ dựa vào công thức hóa học.
3. Tính toán được khối lượng, thể tích các chất dựa theo phương trình hóa học.
4. Bổ sung công thức tính số mol chất khí ở đkc ($V=n.24,79$)
5. Cân bằng PTHH
6. Bài tập về nồng độ dung dịch:

Nồng độ phần trăm của dung dịch (C%) : số gam chất tan có trong 100 gam dung dịch

$$C\% = \frac{m_{ct}}{m_{dd}} . 100\%$$

C% : Nồng độ phần trăm

m_{ct} : khối lượng chất tan (g)

m_{dd} : khối lượng dung dịch (g)

Nồng độ mol của dung dịch (C_M) : số mol chất tan có trong 1 lít dung dịch

$$C_M = \frac{n}{V}$$

C_M : nồng độ mol (mol/l) hoặc M

n : số mol chất tan (mol)

V : thể tích dung dịch (l)

Chú ý: Lớp 9 gọi tên các chất theo danh pháp UIPAC nên GV sẽ ghi cả CTHH và tên theo UIPAC để HS tiếp cận dần

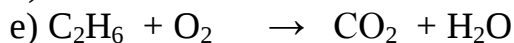
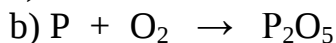
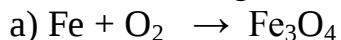
II. Luyện tập

Bài 1: Viết CTHH của:

- a) Khí hydrogen (hidro) , khí oxygen (oxi)
- b) Al và SO_4 ; Na và O, Fe và O; Ca và PO_4 ; Na và OH ; H và Cl ; H và SO_4 , P (V) và O , C (IV) và O , Ba và OH

Bài 2: Các CTHH ở bài 1 thuộc loại nào: basic oxide (oxit bazơ) ; acidic oxide (oxit axit) ; base (bazơ) ; acid (axit)

Bài 3: Cân bằng các PTHH sau (ghi rõ điều kiện phản ứng nếu có)



Bài 4: Cho 8,4 gam kim loại sắt (Iron) tác dụng với dung dịch hydrochloric acid (HCl) tạo ra dung dịch muối Iron (II) chloride ($FeCl_2$) và khí hydrogen (H_2)

a) Viết PTHH

b) Tính thể tích khí hydrogen thu được ở đktc

Bài 5: Hòa tan hoàn toàn 2,4 gam kim loại Mg vào dung dịch HCl 14,6%

a) Tính khối lượng dung dịch HCl 14,6% cần dùng

- b) Tính số gam MgCl_2 sinh ra? Số gam H_2 thoát ra
 - c) Áp dụng ĐLTBKL tính số gam dung dịch MgCl_2 thu được sau phản ứng
- Bài 6: Cho 6,5 g Zn phản ứng hoàn toàn với dung dịch HCl 1M

- a) Viết PTHH xảy ra?
- b) Tính thể tích khí H_2 thu được ở đktc?
- c) Tính thể tích dung dịch HCl đã dùng?

CHỦ ĐỀ 1- 2:
MỐI LIÊN HỆ GIỮA CƯỜNG ĐỘ DÒNG ĐIỆN VÀ HIỆU ĐIỆN THẾ GIỮA HAI
ĐẦU DÂY DẪN - ĐIỆN TRỞ CỦA DÂY DẪN - ĐỊNH LUẬT OHM

I. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CƯỜNG ĐỘ DÒNG ĐIỆN VÀ HIỆU ĐIỆN THẾ GIỮA HAI ĐẦU DÂY DẪN

Kết luận: Cường độ dòng điện chạy qua một dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn đó

Ta có tỉ lệ: $\frac{I_1}{I_2} = \frac{U_1}{U_2}$

II. ĐIỆN TRỞ CỦA DÂY DẪN

- Trị số $R = \frac{U}{I}$ không đổi đối với mỗi dây, R là điện trở
- Đơn vị của điện Trở là Ôm, kí hiệu là Ω
 kilôm (k Ω): $1k\Omega = 1000\Omega$ hay mêgaôm (M Ω): $1M\Omega = 1000000\Omega$
- Với một hiệu điện thế xác định đặt vào dây dẫn, điện trở của dây dẫn càng lớn thì cường độ dòng điện qua dây dẫn đó càng nhỏ. Ta nói dòng điện bị cản trở càng nhiều.
- Trong sơ đồ mạch điện, điện trở được kí hiệu



- Ý nghĩa của điện trở: Điện trở biểu thị mức độ cản trở dòng điện nhiều hay ít của dây dẫn

III. ĐỊNH LUẬT OHM

- *Phát biểu định luật Ohm:* Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn *tỉ lệ thuận* với hiệu điện thế U đặt vào hai đầu dây và *tỉ lệ nghịch* với điện trở R của dây
- *Công thức:* $I = \frac{U}{R}$

BÀI TẬP VẬN DỤNG

1. Nếu mối liên hệ giữa cường độ dòng điện chạy qua một dây dẫn và hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn đó. Đồ thị biểu diễn mối liên hệ này có dạng như thế nào? Khi hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn là 4V thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn là 0,24A. Khi hiệu điện thế là 2,5V thì cường độ dòng điện là bao nhiêu?

Giải: $U_1=4V$ $I_1=0,24A$
 $U_2=2,5V$ $I_2= ? A$

Cường độ dòng điện chạy qua một vật dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn đó.

$$\frac{I_1}{I_2} = \frac{U_1}{U_2}$$

Thay số $\Rightarrow I_2 = 0,15 A$

2. Khi hiệu điện thế giữa hai đầu một dây dẫn là 4,5V thì cường độ dòng điện trong dây dẫn là 0,36A. Khi hiệu điện thế giảm đi 0,5V thì cường độ dòng điện giảm đi ?

3. Một đường dây tải điện, vào ban ngày khi cường độ dòng điện đi qua dây là 250A thì hiệu điện thế giữa điểm đầu và điểm cuối của dây là 50V. Vào ban đêm khi cường độ dòng điện là 100A thì hiệu điện thế là bao nhiêu?

4. Một dây dẫn có điện trở $R=12\Omega$. Đặt vào hai đầu dây dẫn một hiệu điện thế $U = 6V$.

- Tìm cường độ dòng điện qua dây dẫn
- Giữ nguyên giá trị hiệu điện thế U , để cường độ dòng điện qua dây giảm đi 0,2A, phải thay bằng một dây dẫn khác có điện trở là bao nhiêu?

TOÁN LỚP 9**BÀI 1 : CĂN BẬC HAI****I. Căn bậc hai số học****1. ĐỊNH NGHĨA**

Với số dương a , số $\sqrt{a}$ được gọi là căn bậc hai số học của a .

Số 0 cũng được gọi là căn bậc hai số học của 0.

Ví dụ: Căn bậc hai số học của số 9 là $\sqrt{9}=3$

II. So sánh các căn bậc hai số học***ĐỊNH LÝ:**

Với hai số $a; b$ không âm ta có $a < b \Leftrightarrow \sqrt{a} < \sqrt{b}$

Ví dụ: So sánh 3 và $\sqrt{7}$

Ta có: $3 = \sqrt{9}$ mà $9 > 7$ suy ra $\sqrt{9} > \sqrt{7}$ hay $3 > \sqrt{7}$

.....

BÀI 2 : CĂN THỨC BẬC HAI VÀ HẰNG ĐẲNG THỨC $\sqrt{A^2}=|A|$ **1. Căn thức bậc hai**

Với A là một biểu thức đại số, người ta gọi $\sqrt{A}$ là căn thức bậc hai của A . Khi đó, A được gọi là biểu thức lấy căn hay biểu thức dưới dấu căn.

$\sqrt{A}$ xác định hay có nghĩa khi A lấy giá trị không âm.

2. Hằng đẳng thức $\sqrt{A^2}=|A|$

Với mọi số a , ta có $\sqrt{a^2}=|a|$

* Một cách tổng quát, với A là một biểu thức ta có

$\sqrt{A^2}=|A|$ nghĩa là $\sqrt{A^2}=A$ nếu $A \geq 0$ và $\sqrt{A^2}=-A$ nếu $A < 0$

3. Các dạng toán cơ bản

Dạng 1: Tìm điều kiện để căn thức xác định

Ta có $\sqrt{A}$ xác định hay có nghĩa khi $A \geq 0$

Ví dụ: $\sqrt{x-1}$ xác định khi $x-1 \geq 0 \Leftrightarrow x \geq 1$

Dạng 2: Rút gọn biểu thức

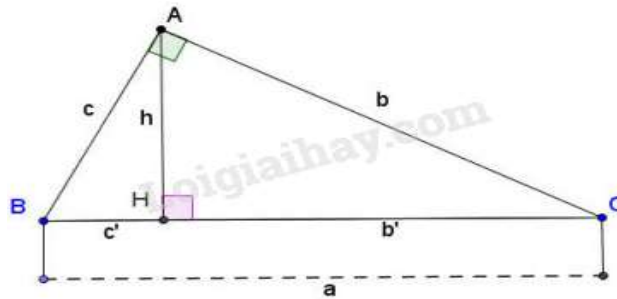
Sử dụng: Với A là một biểu thức ta có $\sqrt{A^2}=|A|$

Ví dụ: Với $x > 2$ ta có $A = \sqrt{x^2 - 4x + 4} = \sqrt{(x-2)^2} = |x-2| = x-2$

BTVN : Bài 1,2 / SGK trang 6 + Bài 6,7,8 ? SGK trang 10

Bài 1 : Hệ Thức Lượng Trong Tam Giác Vuông**Hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông**

Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH (hình vẽ). Khi đó ta có các hệ thức sau:



- +) $AB^2 = BH \cdot BC$ và $AC^2 = CH \cdot BC$
- +) $HA^2 = HB \cdot HC$
- +) $AB \cdot AC = BC \cdot AH$
- +) $1/AH^2 = 1/AB^2 + 1/AC^2$
- +) $BC^2 = AB^2 + AC^2$ (Định lý Pitago).

2. Các dạng toán cơ bản

Dạng 1: Tính độ dài các đoạn thẳng trong tam giác vuông

Phương pháp:

Sử dụng hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông.

Dạng 2: Chứng minh các hệ thức liên quan giữa các yếu tố trong tam giác vuông

S.L. Hệ Thức Lượng Trong Tam Giác Vuông

- 1) $AB^2 = BH \cdot BC$
- 2) $AC^2 = CH \cdot BC$
- 3) $AH^2 = HB \cdot HC$
- 4) $AH \cdot BC = AB \cdot AC$
- 5) $\frac{1}{AH^2} = \frac{1}{AB^2} + \frac{1}{AC^2}$

* $BC^2 = AB^2 + AC^2$

* Bài 1

b) Xét ΔABC vuông tại A:

- $AB^2 = BH \cdot BC$ (hệ thức lượng)
- $\Rightarrow 12^2 = BH \cdot 20$
- $\Rightarrow BH = 7,2$
- $AC^2 = CH \cdot BC$ (hệ thức lượng)
- $\Rightarrow 16^2 = CH \cdot 20$
- $\Rightarrow CH = 12,8$
- $AH^2 = HB \cdot HC$
- $\Rightarrow AH^2 = 7,2 \times 12,8$
- $\Rightarrow AH^2 = 92,16 \Rightarrow AH = 9,6$

* Áp dụng định lý Pytago trong ΔABC vuông tại A:

$$BC^2 = AB^2 + AC^2$$

$$20^2 = 12^2 + AC^2$$

$$AC^2 = 256 \Rightarrow AC = 16$$

* Tính AC

* Tính HB, HC, AH.

Phương pháp:

Ta thường sử dụng các kiến thức:

- Đưa về hai tam giác đồng dạng có chứa các đoạn thẳng có trong hệ thức.
- Sử dụng các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông để chứng minh.